

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2**

**ĐỀ ÁN
TỔ CHỨC KỲ THI ĐỌC LẬP XÉT TUYỂN
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY
NĂM 2025**

*(Ban hành theo Quyết định số 234 ngày 19 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)*

Vĩnh Phúc, 2025

MỤC LỤC

I. TÊN ĐỀ ÁN	3
II. CƠ SỞ ĐÀO TẠO CHỦ TRÌ.....	3
III. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI.....	3
IV. NỘI DUNG THI.....	3
V. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THI	3
VI. LỆ PHÍ THI	4
VII. THÔNG TIN ĐỀ ÁN	4
1. Sự cần thiết của Đề án.....	4
2. Mục tiêu của đề án	6
3. Căn cứ xây dựng	7
4. Đề thi.....	9
5. Tổ chức thi	16
6. Chấm thi.....	17
7. Nguồn lực thực hiện.....	28
8. Sử dụng kết quả thi	32
9. Kinh phí thực hiện Đề án	33
10. Tổ chức thực hiện.....	33
11. Đánh giá tác động	34
12. Kết luận	34

I. TÊN ĐỀ ÁN

TỔ CHỨC KỶ THI ĐỘC LẬP

XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY NĂM 2025

(Sau đây viết tắt là: Kỳ thi độc lập xét tuyển đại học chính quy năm 2025)

II. CƠ SỞ ĐÀO TẠO CHỦ TRÌ

- **Tên tiếng Việt:** Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2
- **Tên tiếng Anh:** Hanoi Pedagogical University 2
- **Năm thành lập:** 1967;
- **Loại hình trường:** công lập
- **Địa chỉ:** số 32 đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- **Cổng thông tin điện tử:** hpu2.edu.vn
- **Bộ chủ quản:** Bộ Giáo dục và Đào tạo

III. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI

Thí sinh là học sinh lớp 12 cấp trung học phổ thông (THPT) hoặc là người đã tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc là người có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương có nhu cầu thi để lấy kết quả thi sử dụng đăng ký xét tuyển vào các cơ sở đào tạo đại học.

IV. NỘI DUNG THI

- Bám sát nội dung của Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018.
- Nội dung đánh giá nằm trong chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học phổ thông, trong đó nội dung chủ yếu thuộc lớp 12.
- Môn thi: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, Lịch sử, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Địa lí.
- Hình thức thi: Môn ngữ văn thi theo hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận. Các môn còn lại thi theo hình thức trắc nghiệm.

V. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THI

- Thời gian: 01/6/2025
- Địa điểm: + Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2;
+ Một số Trường THPT trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (nếu cần).
- Ngày 02/6/2025: dự phòng.

VI. LỆ PHÍ THI

- Lệ phí thi: 200.000đ/môn thi/đợt thi.
- Lệ phí phúc khảo: 100.000đ/môn thi/đợt thi.

VII. THÔNG TIN ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết của Đề án

Sau 10 năm thực hiện Ngành giáo dục đang tích cực triển khai Nghị quyết 29 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo¹ và các nghị của Quốc hội về đổi mới giáo dục và đào tạo², ngành giáo dục cả nước đã thu được nhiều kết quả quan trọng. Bộ Chính trị đã có kết luận tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29³.

Sau nhiều năm thực hiện kỳ thi trung học phổ thông, từ năm 2020 kỳ thi này được chuyển thành kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) với mục đích chính là để xét công nhận tốt nghiệp THPT. Mặc dù vậy, các đại học/trường đại học vẫn sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT để xét tuyển vào đại học. Năm 2025 là năm khóa học sinh đầu tiên tốt nghiệp THPT theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018⁴ được điều chỉnh năm 2022⁵. Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được thiết kế để hình thành 5 phẩm chất và 10 năng lực cho học sinh. Cấu trúc đề thi tốt nghiệp năm 2025 được Bộ GD&ĐT ban hành⁶ có một số thay đổi so với trước đây nhưng mục đích chính của kỳ thi vẫn là xét tốt nghiệp THPT.

Nằm trong lộ trình tự chủ đại học, Bộ GD&ĐT giao quyền tự chủ trong công tác tuyển sinh cho các cơ sở giáo dục đại học từ năm 2022⁷. Theo đó các cơ sở giáo dục đại học được tự chủ trong việc xác định phương thức, hình thức tuyển sinh và có thể tổ chức kỳ thi tuyển sinh riêng. Hiện nay đã có một số đại học/trường đại học tổ chức kỳ thi độc lập để xét tuyển đại học.

Trong những năm gần đây, bên cạnh uy tín của Trường ĐHSP Hà Nội 2, nhiều chính sách của Đảng, Nhà nước có tác động tích cực đến ngành đào tạo giáo viên và

¹ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khóa XI.

² Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; và Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội về điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

³ Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024.

⁴ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.

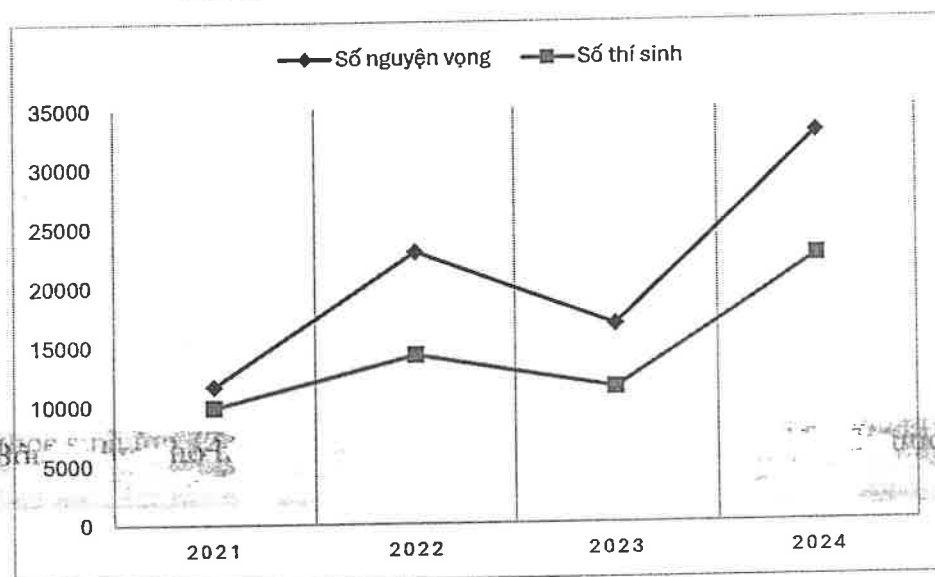
⁵ Thông tư 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022.

⁶ Quyết định số 764/QĐ-BGDĐT ngày 08/3/2024.

⁷ Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022.

những ngành trọng điểm ưu tiên phát triển. Số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển đại học vào Trường ĐHSP Hà Nội 2 tăng vọt với địa chỉ thường trú của thí sinh trên toàn bộ 63 tỉnh/thành phố (Biểu đồ 1). Điều này cho thấy Trường ĐHSP Hà Nội 2 là một cơ sở đào tạo có uy tín lớn trong phạm vi cả nước trong cả lĩnh vực đào tạo giáo viên và đào tạo các ngành ngoài sư phạm. Thực tế này đòi hỏi Nhà trường cần có phương án tuyển sinh phù hợp để tăng chất lượng đầu vào, một trong những yếu tố quan trọng quyết định chất lượng đầu ra.

Biểu đồ 1. Thống kê số nguyện vọng và số thí sinh đăng ký xét tuyển



Trong những năm gần đây, Trường ĐHSP Hà Nội 2 sử dụng một số phương thức tuyển sinh: xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển, xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ), xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT. Bắt đầu từ năm 2022, Nhà trường sử dụng thêm phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi độc lập của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù vậy thực tế tuyển sinh, đào tạo của Nhà trường xuất hiện một số bất cập:

- Với các ngành đào tạo giáo viên: chỉ tiêu tuyển sinh được giao ít, điểm thi tốt nghiệp THPT có độ phân hóa không cao nên điểm trúng tuyển rất cao nhưng vẫn không tuyển đủ chỉ tiêu.
- Có sự chênh lệch lớn về điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh.
- Thí sinh xét tuyển sử dụng điểm thi trong các kỳ thi độc lập hiện có rất ít, trúng tuyển không nhiều và nhập học rất thấp (Bảng 1).

Bảng 1. Thống kê xét tuyển sử dụng kết quả các kỳ thi độc lập

Năm	2022	2023	2024
Số đăng ký	586	1737	2726
Số trúng tuyển	58	91	104
Số nhập học	3	3	22

- Có sự khác biệt trong kết quả học tập giữa các nhóm sinh viên trúng tuyển theo các phương thức xét tuyển khác nhau.

Những phân tích trên cho thấy việc xây dựng và triển khai đề án “*Tổ chức kỳ thi độc lập xét tuyển đại học chính quy*” của Trường Đại học sư phạm Hà Nội 2 có tính cấp thiết cao, góp phần thúc đẩy quá trình đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tuyển sinh đại học của Trường Đại học sư phạm Hà Nội 2 nói riêng và cả nước nói chung.

2. Mục tiêu của đề án

2.1. Mục tiêu chung

- Đa dạng hóa phương thức tuyển sinh, gia tăng cơ hội trúng tuyển và phân loại tốt hơn năng lực của các thí sinh để tuyển chọn được sinh viên phù hợp vào học một số ngành, nhóm ngành đào tạo trình độ đại học.

- Xác lập cơ sở pháp lý cho Trường ĐHSPT Hà Nội 2 tổ chức kỳ thi độc lập, đánh giá năng lực để xét tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHSPT Hà Nội 2 và cung cấp kết quả để các trường đại học khác xét tuyển nếu có nhu cầu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thiện Đề án có tính khả thi và báo cáo Bộ GD&ĐT, tạo ra đầy đủ tính pháp lý của Kỳ thi độc lập xét tuyển đại học do Trường ĐHSPT Hà Nội 2 tổ chức.

- Cấu trúc đề thi đảm bảo tính chính xác, khoa học, tuân thủ yêu cầu cần đạt trong các môn học của Chương trình GDPT 2018⁸.

- Thông qua kỳ thi, đánh giá được các năng lực của học sinh THPT, đặc biệt là năng lực cốt lõi để học tập ở bậc đại học.

- Định dạng, cấu trúc đề thi đảm bảo sự phân hóa cao mà không gây nên tình trạng luyện thi. Đồng thời, việc tổ chức thi được tổ chức gọn, nhẹ để giảm thiểu tổn kém.

⁸ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018; Thông tư 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022.

- Tạo thêm một phương thức tuyển sinh đại học có độ tin cậy cao, tăng cơ hội trúng tuyển cho thí sinh.

3. Căn cứ xây dựng

3.1. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khóa XI: “Đổi mới phương thức tuyển sinh đại học theo hướng kết hợp sử dụng kết quả học tập ở phổ thông và yêu cầu của ngành đào tạo”. Nâng cao chất lượng đào tạo đại học mà một trong những giải pháp đưa ra là “Giao quyền tự chủ tuyển sinh cho các cơ sở giáo dục đại học”⁹.

- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học nêu rõ các cơ sở giáo dục đại học “Được quyền ban hành và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ về hoạt động tuyển sinh, đào tạo...”¹⁰.

- Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành¹¹ quy định ba loại kỳ thi do trường đại học tổ chức nhằm sử dụng kết quả thi để xét tuyển địa học hệ chính quy như sau:

- *Kỳ thi tuyển sinh* là kỳ thi được tổ chức gắn với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ duy nhất hoặc căn cứ chủ yếu phục vụ xét tuyển.

- *Kỳ thi độc lập* là kỳ thi được tổ chức độc lập với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ ở các mức độ khác nhau phục vụ xét tuyển.

- *Kỳ thi bổ trợ* là kỳ thi tổ chức bổ sung cho phương thức tuyển sinh (như thi năng khiếu, thi tài năng, phỏng vấn) để lấy kết quả làm một căn cứ, một tiêu chí phụ vụ xét tuyển.

Về phương thức tuyển sinh, cơ sở đào tạo quyết định một hoặc một số phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển với xét tuyển). Mỗi phương thức tuyển sinh phải quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển và cách thức sử dụng kết hợp các tiêu chí để phân loại, xếp hạng và các định điều kiện trúng tuyển đối với thí sinh theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo. Tiêu chí đánh giá, xét tuyển phải dựa trên yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí sinh cần có để theo học chương trình, ngành đào tạo.

⁹ Điểm 3, Mục III, Phần B.

¹⁰ Điểm a, Khoản 1, Điều 13.

¹¹ Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022.

Về tổ chức thi tuyển sinh, kỳ thi phục vụ xét tuyển do cơ sở đào tạo tự tổ chức, hoặc do một nhóm cơ sở đào tạo hợp tác tổ chức và giao một cơ sở đào tạo chủ trì. Cơ sở đào tạo tổ chức thi phải bảo đảm đủ năng lực về đội ngũ, cơ sở vật chất và các điều kiện khác để tổ chức kỳ thi khách quan, nghiêm túc, chuyên nghiệp, an toàn, thuận tiện và hiệu quả. Cụ thể như sau:

- Phải có bộ phận chuyên trách công tác khảo thí đủ năng lực quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ quy trình của công tác thi.

- Đội ngũ cán bộ tham gia công tác tổ chức thi phải đủ số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt và năng lực chuyên môn phù hợp để đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ trong từng quy trình của công tác thi.

- Các quy trình và phân công trách nhiệm các bộ phận tham gia phải đầy đủ, rõ ràng và hiệu quả, bảo đảm tính độc lập, khách quan giữa các khâu và các bộ phận; có biện pháp hiệu quả chống gian lận và lạm dụng.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị và phần mềm phải phù hợp với quy mô và hình thức tổ chức thi, đáp ứng yêu cầu hỗ trợ hiệu quả cho thực hiện các quy trình trong công tác tổ chức thi, bao gồm yêu cầu về bảo mật, an toàn, an ninh, chống gian lận trong kỳ thi.

Về đề thi, phải được xây dựng theo đề cương; đề cương đề thi (bao gồm cấu trúc và dạng thức đề thi) phải thể hiện được yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí sinh cần có để học tập thành công ở trình độ đào tạo. Đề cương đề thi phải được công bố cho thí sinh ít nhất 30 ngày trước ngày thi. Cấu trúc đề thi đối với kỳ thi tuyển sinh hoặc kỳ thi độc lập phải chứa thành phần của nội dung môn Toán hoặc môn Ngữ văn cùng với ít nhất hai môn học khác trong chương trình cấp THPT phù hợp với yêu cầu của lĩnh vực, ngành đào tạo. Phạm vi đánh giá của đề thi đối với kỳ thi tuyển sinh hoặc kỳ thi độc lập chủ yếu nằm trong nội dung của chương trình cấp THPT hiện hành. Tiêu chí đánh giá phải dựa trên các *cấp độ năng lực, tư duy*; phân loại được năng lực của thí sinh, đáp ứng mức độ phù hợp của thí sinh đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi tuyển sinh.

Đề thi được xây dựng dựa trên trích xuất ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi chuẩn hóa đủ lớn, hoặc được xây dựng mới theo quy trình bảo mật tuyệt đối. Trong trường hợp tổ chức nhiều đợt thi, hoặc một đợt thi có nhiều đề thi thì các đề thi phải bảo đảm tính tương đương. Câu hỏi thi phải được diễn đạt rõ ràng, không đa nghĩa. Đề thi phải được một hội đồng ra đề thi chịu trách nhiệm xây dựng và phải được một hội đồng thẩm định

đề thi chịu trách nhiệm thẩm định. Tổ chức và hoạt động của hội đồng ra đề thi và hội đồng thẩm định đề thi phải độc lập với nhau và độc lập với các nhóm xây dựng ngân hàng câu hỏi thi (nếu có).

- Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã ban hành Quy chế thi tuyển sinh¹² (Phụ lục 1).

3.2. Căn cứ thực tiễn

Năm 2025 là năm đầu tiên Chương trình giáo dục phổ thông 2018 thực hiện hoàn thiện một chu trình từ lớp 1 đến lớp 12. Với mục tiêu là hình thành phẩm chất và năng lực cho học sinh, công tác tuyển sinh đại học phải có những thay đổi đáng kể. Với tinh thần một chương trình, nhiều bộ sách giáo khoa¹³ đối với giáo dục phổ thông, công tác tuyển sinh đại học càng đòi hỏi những thay đổi triệt để.

Thực tế tuyển sinh đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHSP Hà Nội 2 trong những năm gần đây (xem Mục 1) cho thấy cần có một kỳ thi tuyển sinh riêng.

Về mặt nhân lực, Trường ĐHSP Hà Nội 2 có đủ năng lực phục vụ xây dựng ngân hàng đề thi (xem mục 7), có bộ phận chuyên trách là Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục. Đơn vị chuyên trách tổ chức thi là Phòng Đào tạo. Về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin của Trường ĐHSP Hà Nội 2 hoàn toàn đáp ứng yêu cầu tổ chức kỳ thi (xem Mục 7).

4. Đề thi

4.1. Cấu trúc bài thi

4.1.1. Môn thi, hình thức và thời gian thi

Bảng 2. Môn thi, hình thức và thời gian thi

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Ngữ văn	Trắc nghiệm và Tự luận	90 phút
2	Toán	Trắc nghiệm	90 phút
3	Vật lí	Trắc nghiệm	60 phút
4	Hóa học	Trắc nghiệm	60 phút
5	Sinh học	Trắc nghiệm	60 phút
6	Địa lí	Trắc nghiệm	60 phút
7	Lịch sử	Trắc nghiệm	60 phút
8	Tiếng Anh	Trắc nghiệm	60 phút

¹² Quyết định số 633/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 08/4/2022.

¹³ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

4.1.2. Nội dung và tỉ trọng các mức độ đánh giá

a) Nội dung đánh giá:

+ Đề thi được xây dựng theo định hướng đánh giá năng lực, các câu hỏi gắn với các bối cảnh có ý nghĩa để đo lường các biểu hiện của năng lực được đánh giá.

+ Năng lực được đánh giá nằm trong các năng lực được hình thành và phát triển qua Chương trình giáo dục phổ thông 2018, trọng tâm là các năng lực cần thiết để học tập ở bậc đại học, đặc biệt là các ngành đào tạo giáo viên.

+ Nội dung đánh giá nằm trong chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học phổ thông, trong đó nội dung chủ yếu thuộc lớp 12.

b) Tỉ trọng các mức độ đánh giá:

Bảng 3. Tỉ trọng các mức độ đánh giá

Môn thi	Cấp độ tư duy			
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Ngữ văn	20%	30%	30%	20%
Toán	30%	30%	25%	15%
Vật lí	30%	30%	20%	20%
Hóa học	30%	30%	20%	20%
Sinh học	30%	30%	20%	20%
Địa lí	30%	30%	20%	20%
Lịch sử	30%	30%	20%	20%
Tiếng Anh	30%	30%	20%	20%

4.1.3. Thang điểm và dạng thức câu hỏi

a) Thang điểm: Đề thi mỗi môn thi được đánh giá theo thang điểm 10.

b) Dạng thức câu hỏi và phân bổ theo từng môn thi:

Bảng 4. Các dạng thức câu hỏi được sử dụng

TT	Dạng thức	Yêu cầu	Phương thức tính điểm
1	Nhiều lựa chọn	Mỗi câu hỏi có 04 phương án lựa chọn, trong đó chỉ có 01 phương án đúng hoặc phù hợp nhất.	Trả lời đúng mỗi câu hỏi được 0,2 điểm; Riêng môn Toán được 0,25 điểm.

TT	Dạng thức	Yêu cầu	Phương thức tính điểm
2	Đúng sai	Mỗi câu hỏi có 04 nhận định. Đối với mỗi nhận định, thí sinh lựa chọn đúng hoặc sai . * Riêng môn Tiếng Anh, mỗi câu hỏi có 06 nhận định. Đối với mỗi nhận định, thí sinh lựa chọn True hoặc False hoặc Not Given .	Trả lời đúng mỗi nhận định được 0,2 điểm; Riêng môn Toán được 0,25 điểm.
3	Ghép đôi	Ngoài phần dẫn, mỗi câu hỏi gồm hai cột, cột bên trái là danh sách 04 mục hỏi và cột bên phải là danh sách 06 câu trả lời. Thí sinh phải ghép từng mục hỏi của cột bên trái phù hợp với một trong các câu trả lời ở cột bên phải.	Ghép đúng mỗi mục hỏi được 0,2 điểm.
4	Trả lời ngắn	Mỗi câu hỏi có 02 mục hỏi. Thí sinh được yêu cầu viết một trả lời ngắn gọn (bằng một từ, cụm từ hoặc một câu) cho mỗi mục hỏi.	Trả lời đúng mỗi mục hỏi được 0,25 điểm.
5	Tự luận	Thí sinh được yêu cầu trả lời dưới dạng bài luận về một chủ đề cụ thể.	Điểm thành phần được tính theo từng tiêu chí cụ thể của bài luận.

Bảng 5. Phân bố dạng thức câu hỏi theo từng môn thi

Môn thi	Dạng thức câu hỏi				
	Nhiều lựa chọn	Đúng sai	Ghép đôi	Trả lời ngắn	Tự luận
Ngữ văn	30				1
Toán	12	4		6	
Vật lí	10	5	5		
Hóa học	10	5	5		
Sinh học	10	5	5		
Địa lí	10	5	5		
Lịch sử	10	5	5		
Tiếng Anh	40	1	1		

4.1.4. Ma trận đề thi

Ma trận đề thi cho từng môn thi được mô tả cụ thể tại Phụ lục 2.

4.2. Xây dựng và thử nghiệm ngân hàng đề thi

4.3. Quy trình ra đề thi

4.3.1. Quy trình ra đề thi từ ngân hàng đề thi

BƯỚC 1: CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

- Xác định mục tiêu và yêu cầu kỳ thi:
 - Làm rõ mục đích đánh giá
 - Xác định đối tượng thi
 - Rà soát bản đặc tả đề thi, cấu trúc đề thi
- Kiểm tra ngân hàng đề thi:
 - Đánh giá số lượng đề có sẵn
 - Xem xét tính đa dạng của các đề
 - Kiểm tra độ cập nhật của nội dung
- Chuẩn bị cơ sở vật chất:
 - Phòng làm việc an toàn
 - Trang thiết bị cần thiết

Hệ thống máy tính và phần mềm hỗ trợ

BƯỚC 2: THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG RA ĐỀ THI

- Yêu cầu về thành phần:
 - 3-5 thành viên độc lập
 - Các chuyên gia của trường
 - Đảm bảo tính đa dạng về chuyên môn
- Nhiệm vụ chính:
 - Ký cam kết bảo mật thông tin
 - Phân công trách nhiệm cụ thể
 - Xây dựng kế hoạch làm việc chi tiết

BƯỚC 3: KIỂM TRA NGÂN HÀNG ĐỀ

- Rà soát tính cập nhật:
 - Kiểm tra nội dung theo chương trình hiện hành
 - Cập nhật thông tin mới nhất
 - Loại bỏ nội dung lạc hậu
- Đánh giá độ phù hợp:
 - Xem xét độ khó của đề thi

- Kiểm tra tính phân loại
- Đảm bảo phù hợp với đối tượng thi
- Kiểm tra tính đầy đủ:
 - Rà soát đáp án
 - Xem xét thang điểm
 - Đảm bảo tính chính xác

BƯỚC 4: BỐC THĂM NGẪU NHIÊN

- Phương pháp lựa chọn:
 - Sử dụng phần mềm random chuyên dụng
 - Hoặc bốc thăm trực tiếp có giám sát
- Quy trình thực hiện:
 - Có sự chứng kiến của nhiều thành viên
 - Ghi biên bản chi tiết
 - Đảm bảo không có can thiệp bên ngoài

BƯỚC 5: KIỂM DUYỆT ĐỀ ĐƯỢC CHỌN

- Kiểm tra toàn diện:
 - Rà soát nội dung chuyên môn
 - Xem xét hình thức trình bày
 - Đánh giá tính khả thi
- Đánh giá sự phù hợp:
 - Kiểm tra thời gian làm bài
 - Xác nhận độ phù hợp với mục tiêu
 - Đảm bảo không có sai sót

BƯỚC 6: IN SAO, NIÊM PHONG VÀ BẢO MẬT

- Quy trình in ấn:
 - Thực hiện dưới sự giám sát chặt chẽ
 - Kiểm tra chất lượng từng bản in
 - Đếm số lượng chính xác
- Công tác bảo mật:
 - Niêm phong theo quy định
 - Bảo quản tại nơi an toàn
 - Lắp đặt camera giám sát

- Chỉ định người chịu trách nhiệm

4.3.2. Quy trình ra đề thi trực tiếp

BƯỚC 1: CHUẨN BỊ

Công tác chuẩn bị đóng vai trò nền tảng cho toàn bộ quy trình, bao gồm:

- Xây dựng ma trận đề thi chi tiết: Đây là khung định hướng quan trọng, xác định rõ cấu trúc, nội dung, tỷ lệ điểm và mức độ của từng phần trong đề thi
- Chuẩn bị tài liệu tham khảo: Thu thập đầy đủ các tài liệu chuyên môn cần thiết, đảm bảo tính cập nhật và chính xác
- Kiểm tra cơ sở vật chất: Rà soát kỹ các điều kiện về phòng ốc, trang thiết bị phục vụ quá trình ra đề
- Lập danh sách thành viên: Căn trọng trong việc chọn lựa và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên tham gia

BƯỚC 2: THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG RA ĐỀ

Hội đồng được tổ chức với cơ cấu chặt chẽ:

a) Thành phần Hội đồng

- Bao gồm các vị trí then chốt: Chủ tịch, Phó Chủ tịch điều hành trực tiếp
- Thư ký chịu trách nhiệm ghi chép, lưu trữ
- Các cán bộ ra đề và phản biện là những chuyên gia trong lĩnh vực
- Nhân viên phục vụ hỗ trợ công tác hậu cần

b) Yêu cầu về thành viên

- Chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm thực tế trong công tác ra đề
- Phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao
- Không có mối quan hệ với thí sinh dự thi để đảm bảo công bằng

BƯỚC 3: TỔ CHỨC CÁCH LY

Đây là bước đặc biệt quan trọng để đảm bảo tính bảo mật:

a) Địa điểm cách ly

- Khu vực được chọn phải hoàn toàn biệt lập và an toàn
- Trang bị đầy đủ điều kiện làm việc cần thiết
- Hệ thống giám sát 24/24 để đảm bảo an ninh
- Không có bất kỳ thiết bị liên lạc nào với bên ngoài

b) Quy định cách ly

- Ngắt hoàn toàn mọi liên lạc với thế giới bên ngoài

- Thu giữ triệt để điện thoại và các thiết bị thông minh
- Kiểm soát nghiêm ngặt việc ra vào khu vực
- Đảm bảo đầy đủ điều kiện sinh hoạt cơ bản cho các thành viên

BƯỚC 4: BIÊN SOẠN ĐỀ THI

Quá trình biên soạn được thực hiện có hệ thống:

a) Quy trình biên soạn

- Phân công rõ ràng nhiệm vụ cho từng thành viên
- Các nhóm làm việc độc lập để đảm bảo tính khách quan
- Trao đổi thông tin trong phạm vi cho phép
- Ghi chép đầy đủ quá trình làm việc để theo dõi

b) Yêu cầu kỹ thuật

- Tuân thủ nghiêm ngặt ma trận đề đã xây dựng
- Đảm bảo tính chính xác về mặt học thuật
- Thời lượng làm bài phù hợp với quy định
- Có độ phân loại phù hợp với đối tượng thí sinh

BIỂU HÀNH BƯỚC 5: PHẢN BIỆN VÀ HIỆU CHỈNH

Công đoạn quan trọng để hoàn thiện đề thi:

a) Công tác phản biện

- Rà soát kỹ lưỡng nội dung chuyên môn
- Đánh giá mức độ khó và khả năng phân loại
- Xem xét tính khả thi trong thực tế
- Đưa ra các góp ý chi tiết để hoàn thiện

b) Hiệu chỉnh

- Tiến hành chỉnh sửa theo các góp ý nhận được
- Thảo luận để thống nhất phương án sửa chữa
- Kiểm tra lại sau khi đã hiệu chỉnh
- Hoàn thiện bản cuối của đề thi

BƯỚC 6: THẨM ĐỊNH CUỐI CÙNG

Bước quan trọng trước khi chính thức thông qua đề thi:

- Tổ chức họp Hội đồng để đánh giá tổng thể
- Tiến hành kiểm tra toàn diện các khía cạnh
- Thảo luận và thống nhất phương án cuối cùng

- Thực hiện ký duyệt chính thức đề thi

BƯỚC 7: IN SAO VÀ NIÊM PHONG

a) Quy trình in sao

- Kiểm tra kỹ lưỡng các thiết bị in ấn
- Thực hiện in thử để đảm bảo chất lượng
- Tiến hành in chính thức theo số lượng
- Kiểm định chất lượng từng bản in

b) Niêm phong

- Đóng gói cẩn thận theo quy định
- Niêm phong có chữ ký của các bên liên quan
- Lập biên bản chi tiết quá trình thực hiện
- Bàn giao cho người phụ trách theo quy định

BƯỚC 8: BẢO QUẢN VÀ VẬN CHUYỂN

Bước cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng:

- Bảo quản đề thi tại địa điểm an toàn, có bảo vệ
- Lắp đặt hệ thống camera giám sát liên tục
- Bố trí người trực canh theo ca
- Tổ chức vận chuyển an toàn đến các điểm thi

5. Tổ chức thi

5.1. Đăng ký dự thi

- Thí sinh thực hiện đăng ký thi trực tuyến, in phiếu đăng ký và nộp hồ sơ về Nhà trường theo quy định.

- Hệ thống đăng ký thi: thisinh.hpu2.edu.vn

- Hướng dẫn đăng ký dự thi: Phụ lục 3

5.2. Tổ chức thi

Bảng 6. Lịch thi trong 01 ngày theo các ca thi

Ngày thi	Môn thi	Thời gian làm bài	Thời gian thi
Sáng	Làm thủ tục dự thi	60 phút	Ca 1, 7h00 - 7h30
	Toán	90 phút	Ca 2, 8h00 - 9h30

Ngày thi	Môn thi		Thời gian làm bài	Thời gian thi
	Ngữ văn	Tiếng Anh	Ngữ văn: 90 phút; Tiếng Anh: 60 phút	Ca 3: Ngữ văn: 10h15 - 11h45 Tiếng Anh: 10h15 - 11h15
Chiều	Vật lí	Lịch sử	60 phút	Ca 1, 13h00 - 14h00
	Hóa học	Địa lí	60 phút	Ca 2, 14h45 - 15h45
	Sinh học	Tiếng Anh	60 phút	Ca 3, 16h30 - 17h30

* Thí sinh chỉ thi 01 trong 02 ca thi Tiếng Anh.

6. Chấm thi

6.1. Tổ chức chấm thi

Việc tổ chức chấm thi được thực hiện theo Quy chế thi tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội 2 (ban hành kèm theo Quyết định số 633/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 08 tháng 4 năm 2022). Cụ thể:

6.1.1. Khu vực chấm thi

1. Việc chấm thi tại Hội đồng thi được thực hiện tại không quá 02 (hai) khu vực; trong đó, mỗi Ban Chấm thi thực hiện nhiệm vụ tại một khu vực duy nhất. Khu vực chấm thi phải bảo đảm an ninh, an toàn, có đủ phương tiện phòng cháy, chữa cháy và có công an bảo vệ (hoặc bảo vệ trong trường hợp đặc biệt) liên tục 24 giờ/ngày; nơi chấm thi, chấm kiểm tra bài thi tự luận và nơi bảo quản bài thi tự luận được bố trí gần nhau; bài thi trắc nghiệm được lưu trữ tại phòng xử lý và chấm bài thi trắc nghiệm hoặc được lưu trữ tại phòng chứa bài thi riêng biệt, tùy theo điều kiện thực tế của đơn vị.

2. Phòng chứa bài thi, tủ, thùng hoặc các vật dụng chứa túi bài thi phải an toàn, chắc chắn, phải được khóa và niêm phong, trên nhãn niêm phong phải có đủ chữ ký của người giữ chìa khóa, thanh tra và công an. Chìa khóa cửa các phòng chứa bài thi do lãnh đạo các Ban Chấm thi giữ; chìa khóa của tủ, thùng hoặc các vật dụng chứa túi bài thi tự luận do thư ký Hội đồng thi làm nhiệm vụ tại Ban Chấm thi tự luận giữ; chìa khóa của tủ, thùng hoặc các vật dụng chứa túi bài thi trắc nghiệm do Tổ trưởng Tổ thư ký Ban Chấm thi trắc nghiệm giữ. Phòng chứa bài thi, phòng chấm bài thi trắc nghiệm, phòng chấm bài thi tự luận, nơi thực hiện nhiệm vụ của Ban Thư ký Hội đồng thi và Tổ Thư ký Ban Chấm thi tại khu vực chấm thi phải có các thiết bị phòng chống cháy, nổ; có công an bảo vệ, giám sát (hoặc bảo vệ trong trường hợp đặc biệt) liên tục 24 giờ/ngày. Khi

đóng, mở phòng chứa bài thi, phòng chấm bài thi và tủ, thùng hoặc các vật dụng chứa túi bài thi phải có sự chứng kiến của công an (hoặc bảo vệ trong trường hợp đặc biệt), thanh tra và ghi nhật ký đầy đủ.

3. Tuyệt đối không được mang các phương tiện thu phát thông tin, sao chép tài liệu, giấy tờ riêng, bút xóa, bút chì và các loại bút không nằm trong quy định của các Ban Chấm thi khi vào và ra khỏi khu vực chấm thi.

6.1.2. Ban Làm phách bài/phần thi tự luận

1. Ban Làm phách:

a) Thành phần: Trưởng ban do lãnh đạo Hội đồng thi kiêm nhiệm; Phó Trưởng ban là lãnh đạo phòng, khoa, viện, trung tâm; Ủy viên là cán bộ viên chức các phòng, khoa, viện, trung tâm, bảo vệ, công an, y tế, phục vụ;

b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Làm phách: Nhận bài thi tự luận được đóng trong các túi còn nguyên niêm phong của các Điểm thi từ Ban Thư ký Hội đồng thi; làm phách, bảo mật số phách bài thi tự luận; niêm phong và bảo quản đầu phách theo chế độ mật trong suốt thời gian chấm thi, cho đến khi hoàn thành chấm bài thi tự luận; bàn giao bài thi đã làm phách được đóng trong túi còn nguyên niêm phong của Ban Làm phách cho Ban Thư ký Hội đồng thi; bàn giao đầu phách được đóng trong túi còn nguyên niêm phong của Ban Làm phách cho Ban Thư ký Hội đồng thi sau khi việc chấm bài thi tự luận đã hoàn thành. Việc làm phách để phúc khảo bài thi tự luận được Ban Làm phách thực hiện như việc làm phách bài thi tự luận để chấm thi;

c) Ban Làm phách làm việc độc lập với các Ban khác của Hội đồng thi, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng thi; chỉ được tiến hành công việc liên quan đến bài thi khi có mặt ít nhất từ 02 (hai) ủy viên của Ban Làm phách trở lên; những người trong Ban Làm phách không được tham gia là thành viên Ban Chấm thi tự luận và Ban Phúc khảo bài thi tự luận;

d) Trưởng ban Làm phách quyết định tổ chức thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn, chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban Làm phách theo quy định của Quy chế thi tuyển sinh trước Chủ tịch Hội đồng thi;

đ) Các Phó Trưởng ban và ủy viên Ban Làm phách chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công hoặc ủy nhiệm của Trưởng ban Làm phách.

2. Khu vực làm phách phải bảo đảm an ninh, an toàn có đủ phương tiện phòng cháy, chữa cháy và có công an bảo vệ (hoặc bảo vệ trong trường hợp đặc biệt) liên tục

24 giờ/ngày; không có thiết bị thu phát thông tin và hình ảnh; người tham gia làm phách không được mang các thiết bị thu phát thông tin vào khu vực làm phách.

3. Phương thức làm phách: Chủ tịch Hội đồng thi quyết định phương thức làm phách Số phách được sinh ngẫu nhiên từ phần mềm máy tính, bảo đảm mỗi bài thi (số báo danh) tương ứng duy nhất với 01 (một) số phách. Việc gieo phách chỉ được thực hiện trong khu vực cách ly dưới sự chứng kiến của thanh tra.

a) Làm phách 1 (một) vòng: Ban Làm phách phải được cách ly triệt để trong suốt thời gian được tập trung làm phách cho đến khi hoàn thành chấm bài thi tự luận; Trưởng ban Làm phách trực tiếp thực hiện gieo phách bằng Phần mềm Hỗ trợ chấm thi;

b) Làm phách 2 (hai) vòng độc lập: Ban Làm phách phải được cách ly triệt để trong suốt thời gian được tập trung làm phách của mỗi vòng; cán bộ làm phách được chia thành hai tổ: Tổ làm phách vòng 1 và Tổ làm phách vòng 2; các tổ làm việc độc lập và cách ly triệt để với nhau. Tổ làm phách vòng 1 chỉ được ra khỏi khu vực cách ly sau khi Tổ làm phách vòng 2 được cách ly. Tổ làm phách vòng 2 phải được cách ly triệt để trong suốt thời gian được tập trung làm phách cho đến khi hoàn thành chấm bài thi tự luận. Tổ trưởng tổ phách vòng 1 và Tổ trưởng tổ phách vòng 2 trực tiếp thực hiện gieo phách bằng Phần mềm Hỗ trợ chấm thi.

4. Bàn giao bài thi tự luận đã làm phách cho Hội đồng thi:

a) Sau khi hoàn thành làm phách, Trưởng ban Làm phách bàn giao bài thi đã làm phách cho Trưởng ban Thư ký Hội đồng thi; Chủ tịch Hội đồng thi quyết định việc bàn giao bài thi một lần hoặc theo tiến độ chấm thi;

b) Đầu phách được Ban Làm phách bảo quản và chỉ bàn giao cho Trưởng ban Thư ký Hội đồng thi sau khi đã chấm xong bài thi tự luận.

6.1.3. Ban Chấm thi tự luận

1. Thành phần:

a) Trưởng ban Chấm thi tự luận do lãnh đạo Hội đồng thi kiêm nhiệm; Phó Trưởng ban Chấm thi tự luận là lãnh đạo các phòng, khoa, viện, trung tâm; trong đó, Phó Trưởng ban thường trực là lãnh đạo đơn vị có chức năng quản lý đào tạo hoặc khảo thí;

b) Một Phó Trưởng ban có chuyên môn đúng với bài thi tự luận được giao kiêm nhiệm làm Trưởng môn chấm thi;

c) Ban Chấm thi tự luận có ít nhất hai Tổ Chấm thi dưới sự quản lý, điều hành của Trưởng môn chấm thi; mỗi Tổ Chấm thi có Tổ trưởng và cán bộ chấm thi (CBChT)

là cán bộ viên chức, giảng viên, giáo viên đã và đang trực tiếp giảng dạy môn học đúng với bài thi tự luận được chấm; thành viên Ban Thư ký, Ban Làm phách của Hội đồng thi không tham gia chấm thi;

d) Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ.

2. Trưởng ban Chấm thi tự luận điều hành công tác chấm thi và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng thi về quy trình, tiến độ và chất lượng chấm thi tự luận; có quyền thay đổi hoặc đình chỉ việc chấm thi đối với những thành viên thiếu trách nhiệm, vi phạm Quy chế thi hoặc có nhiều sai sót khi thực hiện nhiệm vụ được giao; có trách nhiệm kiểm tra, xác minh khi có bất thường xảy ra.

3. Phó Trưởng ban Chấm thi tự luận chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công hoặc ủy quyền của Trưởng ban Chấm thi tự luận.

4. Trưởng môn chấm thi chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng thi và Trưởng ban Chấm thi tự luận về việc quản lý, tổ chức chấm bài thi tự luận của Hội đồng thi đúng Quy chế thi; thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập kế hoạch chấm thi, tổ chức thảo luận hướng dẫn chấm thi, đáp án, thang điểm và chấm chung; tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm trong quá trình chấm thi; tổ chức họp tổng kết, rút kinh nghiệm sau khi chấm xong toàn bộ bài thi tự luận của Hội đồng thi;

b) Đề nghị Trưởng ban Chấm thi tự luận thay đổi hoặc đình chỉ việc chấm thi đối với CBChT thiếu trách nhiệm, chấm thi sai sót nhiều hoặc vi phạm Quy chế thi;

c) Được ủy quyền cho Tổ trưởng Tổ Chấm thi thực hiện một số công việc thuộc thẩm quyền của Trưởng môn chấm thi, tùy theo thực tế triển khai chấm thi tại Hội đồng thi.

5. Tổ trưởng Tổ Chấm thi giúp Trưởng môn chấm thi quản lý, tổ chức chấm thi tại Tổ Chấm thi được phân công phụ trách và thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của Trưởng môn chấm thi khi được ủy quyền.

6. Các thành viên Ban Chấm thi tự luận chấp hành sự phân công của Trưởng ban, thực hiện đúng các quy định của Quy chế thi; CBChT tuân thủ sự điều hành trực tiếp của Tổ trưởng Tổ Chấm thi và chỉ đạo của Trưởng môn chấm thi.

6.1.4. Chấm bài thi tự luận

1. Quy định chung về chấm bài thi tự luận:

a) Chấm thi theo hướng dẫn chấm thi, đáp án, thang điểm; bài thi được chấm theo thang điểm 10 (mười); điểm lẻ của tổng điểm toàn bài được làm tròn đến 2 (hai) chữ số

thập phân; mỗi bài thi được chấm hai vòng độc lập bởi hai CBChT của hai Tổ Chấm thi khác nhau;

b) Ban Thư ký Hội đồng thi giao túi bài thi đã làm phách và phiếu chấm cho Trưởng môn chấm thi;

c) Trưởng môn chấm thi tổ chức quán triệt Quy chế thi, thảo luận đáp án, hướng dẫn chấm cho toàn bộ Tổ trưởng Tổ chấm thi, CBChT và tổ chức chấm chung ít nhất 10 (mười) bài thi tự luận; sau đó, tổ chức chấm thi theo quy trình chấm hai vòng độc lập tại các phòng chấm thi riêng biệt. Riêng đối với những Hội đồng thi có từ 30.000 (ba mươi nghìn) thí sinh trở lên, Trưởng môn chấm thi hoặc Tổ trưởng Tổ Chấm thi được Trưởng môn chấm thi ủy quyền triển khai tổ chức chấm chung theo từng Tổ chấm thi hoặc nhóm Tổ chấm thi;

d) Việc giao túi bài thi cho CBChT được thực hiện theo hình thức bốc thăm bằng phiếu.

2. Quy trình chấm lần chấm thứ nhất:

a) Trưởng môn chấm thi hoặc Tổ trưởng Tổ Chấm thi được Trưởng môn chấm thi ủy quyền tổ chức bốc thăm và giao nguyên túi bài thi cho từng CBChT;

b) Trước khi chấm, CBChT kiểm tra từng bài thi bảo đảm đủ số tờ, số phách và gạch chéo tất cả những phần giấy trắng còn thừa do thí sinh không viết hết trên tờ giấy làm bài thi;

c) Trong trường hợp phát hiện bài thi không đủ số tờ, số phách; bài thi làm trên giấy nháp; bài thi làm trên giấy khác với giấy dùng cho kỳ thi; bài thi có chữ viết của hai người trở lên, viết bằng hai màu mực khác nhau trở lên, viết bằng mực đỏ, bút chì hoặc có viết, vẽ những nội dung không liên quan nội dung thi; bài thi nhàu nát hoặc nghi vấn có đánh dấu, CBChT có trách nhiệm báo cáo và giao những bài thi này cho Tổ trưởng Chấm thi trình Trưởng môn chấm thi xử lý;

d) Khi chấm lần thứ nhất, ngoài những nét gạch chéo trên những phần giấy trắng còn thừa trên tờ giấy làm bài thi của thí sinh, CBChT tuyệt đối không ghi gì vào bài thi của thí sinh và túi bài thi; điểm thành phần, điểm toàn bài và các nhận xét (nếu có) chỉ được ghi vào 01 (một) phiếu chấm của từng bài thi; trên phiếu chấm ghi rõ họ, tên và chữ ký của CBChT; chấm xong túi nào, CBChT giao túi ấy cho Trưởng môn chấm thi hoặc Tổ trưởng Tổ Chấm thi được Trưởng môn chấm thi ủy quyền để bàn giao cho Ban Thư ký Hội đồng thi.

3. Quy trình chấm lần chấm thứ hai

a) Sau khi chấm lần thứ nhất, thành viên Ban Thư ký Hội đồng thi rút toàn bộ các phiếu chấm thi ra; sau đó, giao các túi bài thi cho Trưởng môn chấm thi hoặc Tổ trưởng Tổ Chấm thi được Trưởng môn chấm thi ủy quyền để tổ chức bóc thăm cho lần chấm thứ hai, bảo đảm không giao trở lại túi bài thi đã chấm cho chính người đã chấm lần thứ nhất;

b) CBChT lần thứ hai ghi điểm chấm trực tiếp vào bài thi của thí sinh (điểm chấm từng ý nhỏ phải ghi tại lề bên trái bài thi ngay cạnh ý được chấm) và vào phiếu chấm;

c) Chấm xong túi nào, CBChT giao túi bài thi đã chấm và phiếu chấm cho Trưởng môn chấm thi hoặc Tổ trưởng Tổ Chấm thi được Trưởng môn chấm thi ủy quyền để bàn giao cho Ban Thư ký Hội đồng thi.

4. Thống nhất điểm bài thi

Trưởng môn chấm thi tiếp nhận bài thi, phiếu chấm từ Ban Thư ký Hội đồng thi và chỉ đạo các Tổ chấm thi thực hiện thống nhất điểm bài thi. Chỉ ghi điểm từng câu và tổng điểm toàn bài vào vị trí quy định trên tờ giấy thi sau khi đã thống nhất điểm. Việc

thống nhất điểm thực hiện như sau:

a) Xử lý kết quả 2 (hai) lần chấm:

Tình huống	Cách xử lý
Điểm toàn bài hoặc điểm thành phần không lệch hoặc lệch nhau (trừ trường hợp cộng nhầm điểm) dưới 1,0 điểm.	Hai CBChT thảo luận thống nhất điểm; CBChT lần chấm thứ hai ghi điểm; hai CBChT cùng ký và ghi rõ họ tên vào tất cả các tờ giấy làm bài của thí sinh.
Điểm toàn bài hoặc điểm thành phần lệch nhau (trừ trường hợp cộng nhầm điểm) từ 1,0 đến 1,5 điểm.	Hai CBChT thảo luận và ghi lại bằng biên bản, báo cáo Trưởng môn chấm thi hoặc Tổ trưởng Tổ Chấm thi được Trưởng môn chấm thi ủy quyền để thống nhất điểm (không sửa chữa điểm trong phiếu chấm); CBChT lần chấm thứ hai ghi điểm; hai CBChT cùng ký và ghi rõ họ tên vào tất cả các tờ giấy làm bài của thí sinh. Nếu hai CBChT không thống nhất được điểm thì Trưởng môn chấm thi hoặc Tổ trưởng Tổ Chấm thi được Trưởng

Tình huống	Cách xử lý
	môn chấm thi ủy quyền lập biên bản quyết định điểm, ghi điểm và cùng hai CBChT ký, ghi rõ họ tên vào tất cả các tờ giấy làm bài của thí sinh.
Điểm toàn bài hoặc điểm thành phần lệch nhau (trừ trường hợp cộng nhằm điểm) trên 1,5 điểm.	Trưởng môn chấm thi hoặc Tổ trưởng Tổ Chấm thi được Trưởng môn chấm thi ủy quyền tổ chức chấm lần thứ ba trực tiếp vào bài thi của thí sinh bằng mực màu khác.

b) Xử lý kết quả 3 (ba) lần chấm:

Tình huống	Cách xử lý
Nếu kết quả hai trong ba lần chấm giống nhau	Trưởng môn chấm thi hoặc Tổ trưởng Tổ Chấm thi được Trưởng môn chấm thi ủy quyền lấy điểm giống nhau làm điểm chính thức rồi ghi điểm và cùng các CBChT ký, ghi rõ họ tên vào tất cả các tờ giấy làm bài của thí sinh.
Nếu kết quả ba lần chấm lệch nhau lớn nhất đến 2,5 điểm.	Trưởng môn chấm thi hoặc Tổ trưởng Tổ Chấm thi được Trưởng môn chấm thi ủy quyền lấy điểm trung bình cộng của ba lần chấm làm điểm chính thức rồi ghi điểm và cùng các CBChT ký, ghi rõ họ tên vào tất cả các tờ giấy làm bài của thí sinh.
Nếu kết quả ba lần chấm lệch nhau lớn nhất trên 2,5 điểm.	Trưởng môn chấm thi hoặc Tổ trưởng Tổ Chấm thi được Trưởng môn chấm thi ủy quyền tổ chức chấm chung trong Tổ chấm thi, lập biên bản thống nhất điểm chấm sau đó ghi điểm và cùng tất cả CBChT tham gia chấm chung ký, ghi rõ họ tên vào các tờ giấy làm bài của thí sinh.

5. Nhập điểm bài thi tự luận:

a) Tổ nhập điểm thuộc Ban Thư ký Hội đồng thi, Tổ trưởng do lãnh đạo hoặc ủy viên Ban Thư ký Hội đồng thi kiêm nhiệm; Tổ nhập điểm gồm ít nhất hai nhóm khác nhau, mỗi nhóm gồm ít nhất ba người;

b) Tổ nhập điểm thực hiện nhập điểm bài thi tự luận theo hai vòng độc lập, bảo đảm mỗi vòng do một nhóm khác nhau thực hiện trên phần mềm Hồ trợ chấm thi dưới sự chứng kiến và giám sát của thanh tra.

6.1.5. Ban Chấm thi trắc nghiệm

1. Thành phần Ban Chấm thi trắc nghiệm:

- a) Trưởng ban Chấm thi trắc nghiệm do lãnh đạo Hội đồng thi kiêm nhiệm;
- b) Phó Trưởng ban Chấm thi trắc nghiệm là lãnh đạo các phòng, khoa, viện, trung tâm;
- c) Tổ Chấm trắc nghiệm, gồm: Tổ trưởng Tổ Chấm trắc nghiệm do lãnh đạo Ban Chấm thi trắc nghiệm kiêm nhiệm; các thành viên khác là cán bộ viên chức, giảng viên;
- d) Tổ Thư ký chấm trắc nghiệm, gồm: Tổ trưởng do một Phó Trưởng ban kiêm nhiệm; các thành viên khác là cán bộ viên chức, giảng viên;
- đ) Tổ Giám sát chấm trắc nghiệm, gồm: Tổ trưởng do một Phó Trưởng ban kiêm nhiệm; các thành viên khác là cán bộ viên chức, giảng viên;
- e) Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ.

2. Trưởng ban Chấm thi trắc nghiệm điều hành công tác chấm thi trắc nghiệm và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng thi về quy trình, tiến độ và chất lượng chấm thi trắc nghiệm; có quyền thay đổi hoặc đình chỉ việc chấm thi đối với những thành viên thiếu trách nhiệm, có nhiều sai sót khi thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc vi phạm quy định; có trách nhiệm kiểm tra, xác minh khi có bất thường xảy ra theo yêu cầu của Tổ Giám sát.

3. Phó Trưởng ban Chấm thi trắc nghiệm thực hiện các công việc theo sự phân công của Trưởng ban Chấm thi trắc nghiệm.

4. Tổ Chấm trắc nghiệm nghiên cứu kỹ hướng dẫn sử dụng và sử dụng phần mềm chấm thi trắc nghiệm để thực hiện việc xử lý và chấm bài thi trắc nghiệm.

5. Tổ Thư ký có nhiệm vụ giúp Trưởng ban Chấm thi trắc nghiệm chuẩn bị các văn bản, tài liệu, mẫu biểu, biên bản phục vụ công tác chấm thi trắc nghiệm; giao nhận bài thi từ Hội đồng thi; mở, đóng niêm phong túi bài thi; bảo quản bài thi trong thời gian lưu tại phòng chấm thi trắc nghiệm.

6. Tổ Giám sát làm việc độc lập với các tổ khác của Ban Chấm thi trắc nghiệm. Tổ Giám sát có nhiệm vụ giám sát chặt chẽ quy trình chấm bài thi trắc nghiệm, quy trình bảo quản bài thi tại phòng chấm thi trắc nghiệm theo quy định của Quy chế thi. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu thấy có bất thường, Tổ Giám sát phải báo cáo Trưởng

ban Chấm thi trắc nghiệm để tạm dừng quá trình chấm thi, đề nghị Trưởng ban Chấm thi trắc nghiệm kiểm tra, xác minh và xử lý trước khi tiếp tục.

7. Các thành viên Ban Chấm thi trắc nghiệm chấp hành sự phân công của Trưởng ban, thực hiện đúng các quy định của Quy chế thi.

6.1.6. Chấm bài thi trắc nghiệm

1. Quy định chung về chấm bài thi trắc nghiệm:

a) Các thành viên của Ban Chấm thi trắc nghiệm, người đang thi hành nhiệm vụ liên quan thực hiện nhiệm vụ tại khu vực chấm bài thi trắc nghiệm không được mang theo bút chì, tẩy và các vật dụng bị cấm khác theo quy định của Quy chế thi vào phòng chấm thi trắc nghiệm; không được sửa chữa, thêm bớt vào Phiếu TLTN của thí sinh với bất kỳ hình thức nào và bất kỳ lý do gì;

b) Thành viên Tổ Chấm trắc nghiệm phải nghiêm túc tuân thủ quy trình chấm bài thi trắc nghiệm theo quy định; trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện bất thường phải báo ngay với Tổ trưởng Tổ Chấm trắc nghiệm để cùng Tổ Giám sát lập biên bản, báo cáo Trưởng ban Chấm thi trắc nghiệm xử lý;

c) Các Phiếu TLTN (bài làm của thí sinh) đều phải được chấm bằng máy với cùng một phần mềm chuyên dụng, kể từ khi quét ảnh đến khi có kết quả là điểm bài thi của từng thí sinh;

d) Thống nhất sử dụng mã bài thi trong các tệp dữ liệu theo quy định;

đ) Trong quá trình xử lý, chấm điểm, Ban Chấm thi trắc nghiệm phải thực hiện nghiêm túc việc cập nhật và kịp thời báo cáo Hiệu trưởng.

2. Xử lý bài thi trắc nghiệm

a) Quét phiếu TLTN: Thực hiện quét phiếu TLTN theo từng túi, kiểm tra túi bài thi trên phần mềm, xong túi nào niêm phong lại túi đó. Ngay khi quét xong tất cả túi/phiếu TLTN của Hội đồng thi, toàn bộ dữ liệu ảnh quét đã được phần mềm chấm thi tự động mã hóa phải được sao lưu ra 02 bộ đĩa CD/DVD/USB (sau đây gọi chung là đĩa CD/USB) có nội dung giống nhau;

b) Nhận dạng ảnh quét: Ngay sau khi nhận dạng xong ảnh quét bài thi trắc nghiệm của Hội đồng thi, toàn bộ dữ liệu nhận dạng ảnh quét đã được phần mềm chấm thi tự động mã hóa phải được sao lưu ra 02 bộ đĩa CD/USB có nội dung giống nhau;

c) Sửa lỗi kỹ thuật: Ngay sau khi sửa lỗi kỹ thuật tất cả các bài thi trắc nghiệm bị lỗi của Hội đồng thi, toàn bộ dữ liệu sửa lỗi kỹ thuật đã được phần mềm chấm thi tự động mã hóa phải được sao lưu ra 02 bộ đĩa CD/USB có nội dung giống nhau;

d) Trong mỗi bước tại điểm a, b, c khoản này, toàn bộ 02 bộ đĩa CD/USB có nội dung giống nhau tại từng bước phải được đóng gói niêm phong dưới sự giám sát của Tổ Giám sát, công an (hoặc bảo vệ trong trường hợp đặc biệt) và lập biên bản; chỉ khi gửi về Trường (qua đơn vị có chức năng đào tạo hoặc khảo thí) 01 bộ đĩa để quản lý và bàn giao 01 bộ đĩa cho Chủ tịch Hội đồng thi lưu trữ và được Chủ tịch Hội đồng thi cho phép thì mới được tiến hành bước tiếp theo. Phải báo cáo Hiệu trưởng để được chấp thuận sử dụng các bộ đĩa này.

3. Chấm điểm: Sau khi hoàn thành các công việc quy định tại khoản 2 Điều này, Tổ Chấm trắc nghiệm mở niêm phong đĩa CD/USB chứa dữ liệu chấm thi trắc nghiệm, lập biên bản mở niêm phong và nạp dữ liệu chấm vào phần mềm chấm thi trắc nghiệm dưới sự giám sát của công an (hoặc bảo vệ trong trường hợp đặc biệt) và Tổ Giám sát; tiến hành chấm điểm, làm tròn đến hai chữ số thập phân cho từng bài thi và từng môn thi thành phần của bài thi tổ hợp; thống nhất sử dụng mã bài thi/môn thi trong các tệp dữ liệu theo quy định; trong quá trình xử lý, Hội đồng thi phải thực hiện nghiêm túc việc cập nhật và báo cáo kịp thời với Hiệu trưởng.

4. Ngay sau khi hoàn thành việc chấm toàn bộ bài thi trắc nghiệm của Hội đồng thi, các tệp dữ liệu xử lý và kết quả chấm thi trắc nghiệm chính thức (được xuất ra từ phần mềm, bảo đảm cấu trúc và yêu cầu theo đúng quy định) được lưu vào 02 bộ đĩa CD/USB giống nhau, được niêm phong dưới sự giám sát của Tổ Giám sát, công an (hoặc bảo vệ trong trường hợp đặc biệt) và lập biên bản; 01 đĩa gửi về Trường (qua đơn vị có chức năng đào tạo hoặc khảo thí) để quản lý; 01 đĩa bàn giao cho Chủ tịch Hội đồng thi để cập nhật kết quả vào cơ sở dữ liệu của hệ thống phần mềm quản lý thi và lưu trữ.

5. Việc tổ chức chấm bài thi trắc nghiệm phải được thực hiện theo đúng yêu cầu và quy trình quy định tại Điều này. Các vấn đề phát sinh trong quá trình chấm bài thi trắc nghiệm phải được Ban Chấm thi trắc nghiệm lập biên bản ghi nhận, mô tả sự việc và báo cáo Chủ tịch Hội đồng/ Hiệu trưởng để có quyết định xử lý kịp thời, phù hợp.

6.1.7. Chấm kiểm tra bài thi tự luận

1. Trưởng ban Chấm thi tự luận thành lập Tổ Chấm kiểm tra gồm: Tổ trưởng do Phó trưởng Ban Chấm thi tự luận kiêm nhiệm và CBChT thực hiện chấm kiểm tra.

CBChT thực hiện chấm kiểm tra không đồng thời thực hiện nhiệm vụ khác tại Ban Chấm thi tự luận và Ban Thư ký Hội đồng thi.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ Chấm kiểm tra:

a) Thực hiện chấm kiểm tra ít nhất 5% số lượng bài thi tự luận đã được CBChT chấm thi chấm xong lần chấm thứ nhất hoặc lần chấm thứ hai theo tiến độ chấm thi và theo chỉ đạo của Trưởng ban Chấm thi tự luận; mỗi bài thi chấm kiểm tra được một CBChT chấm kiểm tra theo quy trình chấm lần chấm thứ nhất;

b) Cuối mỗi buổi chấm hoặc khi xét thấy cần thiết, Tổ trưởng Tổ Chấm kiểm tra tổng hợp và báo cáo kết quả chấm kiểm tra và kiến nghị, đề xuất với Trưởng ban Chấm thi tự luận áp dụng các biện pháp phù hợp giúp cho việc chấm thi được công bằng, khách quan, nghiêm túc;

c) Tổ Chấm kiểm tra chỉ trực tiếp làm việc với các tổ chấm tự luận và CBChT có liên quan (phải ghi biên bản làm việc) khi có yêu cầu của Trưởng ban Chấm thi tự luận.

3. Trưởng ban Chấm thi tự luận quyết định việc tổ chức đối thoại hay không đối thoại giữa những người chấm thi và chấm kiểm tra.

6.1.8. Quản lý điểm bài thi

1. Sau khi chấm thi xong tất cả các môn, Chủ tịch Hội đồng thi duyệt kết quả thi, báo cáo và chuyển toàn bộ dữ liệu kết quả thi tới các đơn vị có chức năng đào tạo hoặc khảo thí để lưu trữ và đối chiếu. Dữ liệu kết quả thi phải lưu vào 02 đĩa CD/USB giống nhau, được niêm phong và lập biên bản niêm phong dưới sự giám sát của thanh tra và công an (hoặc bảo vệ trong trường hợp đặc biệt); 01 đĩa do Chủ tịch Hội đồng thi lưu trữ, 01 đĩa bàn giao cho 01 đơn vị có chức năng đào tạo hoặc khảo thí lưu trữ.

2. Để bảo đảm sự chính xác của dữ liệu kết quả thi, Hội đồng thi sử dụng đĩa CD/USB lưu trữ dữ liệu kết quả thi để cập nhật vào phần mềm QLT, đối sánh với dữ liệu trên hệ thống; sau khi Hội đồng thi hoàn thành việc đối sánh dữ liệu và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết thì mới công bố kết quả thi theo quy định.

3. Sau khi duyệt kết quả thi, Chủ tịch Hội đồng thi chỉ đạo Ban Thư ký Hội đồng thi in Giấy chứng nhận kết quả thi cho thí sinh (theo mẫu thống nhất đã quy định); ký tên, đóng dấu và gửi cho các thí sinh ĐKDT. Mỗi thí sinh được cấp một Giấy chứng nhận kết quả thi với mã số xác định duy nhất.

4. Tất cả các tài liệu liên quan đến điểm bài thi đều phải niêm phong và do Chủ tịch Hội đồng thi tổ chức thực hiện bảo quản theo quy định.

6.2. Phân tích kết quả thi

Sau khi có kết quả thi, Nhà trường sẽ thực hiện phân tích kết quả thi để có cái nhìn tổng quan về chất lượng tuyển sinh, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm để nâng cao chất lượng kỳ thi trong các năm tiếp theo. Việc phân tích bao gồm:

- Phân tích thống kê điểm thi: Điểm thi sẽ được phân loại và tính toán các chỉ số như điểm trung bình, điểm cao nhất, điểm thấp nhất, và độ lệch chuẩn của từng môn thi. Các chỉ số này giúp hình dung rõ ràng hơn về mức độ khó dễ của kỳ thi cũng như khả năng học tập của các thí sinh.

- Phân tích độ phân hóa và tính công bằng của đề thi: Khả năng phân loại và xếp hạng thí sinh của đề thi sẽ được đánh giá. Tính công bằng của đề thi và câu hỏi thi cũng được đánh giá để phát hiện ra có hay không sự quá thiên vị một nhóm thí sinh cụ thể.

Kết quả phân tích sẽ giúp cải thiện đề thi trong những kỳ thi sau, nhằm đảm bảo kỳ thi công bằng và khách quan.

6.3. Cải tiến

Sau kỳ thi, Hội đồng thi sẽ tổ chức cuộc họp tổng kết để đánh giá quy trình chấm thi. Các thành viên tham gia, đặc biệt là thành viên của các ban chấm thi, sẽ thảo luận về những vấn đề gặp phải và đưa ra các giải pháp cải tiến cho các kỳ thi sau. Dựa trên những phản hồi và đánh giá, Nhà trường sẽ cải tiến quy trình chấm thi để nâng cao chất lượng công tác này trong năm sau.

7. Nguồn lực thực hiện

7.1. Nhân lực xây dựng ngân hàng đề thi

a) Đội ngũ biên soạn đề thi

100% đội ngũ biên soạn đề thi là giảng viên cơ hữu của Trường, với số lượng theo từng môn học được mô tả tại Bảng 7. Đây là đội ngũ giảng viên có chuyên môn vững vàng và nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy trình độ đại học, đồng thời nắm vững Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và thực tiễn giáo dục phổ thông hiện nay. Thông tin chi tiết về đội ngũ biên soạn đề thi được thể hiện tại Phụ lục 4.

Bảng 7. Thống kê số lượng đội ngũ biên soạn đề thi

TT	Môn thi	Số lượng	Ghi chú
1.	Ngữ văn	29	
2.	Toán	29	

TT	Môn thi	Số lượng	Ghi chú
3.	Vật lí	23	
4.	Hóa học	19	
5.	Sinh học	19	
6.	Địa lí	05	
7.	Lịch sử	15	
8.	Tiếng Anh	22	

b) Đội ngũ thử nghiệm và phân tích đề thi

Đội ngũ triển khai thử nghiệm và phân tích đề thi của Trường ĐHSP Hà Nội 2, với nòng cốt là các viên chức của Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, là đội ngũ có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ với 01 tiến sĩ chuyên ngành Thông tin và Đo lường giáo dục, 01 thạc sĩ chuyên ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục, 02 thạc sĩ về công nghệ thông tin. Danh sách cụ thể như sau:

Bảng 8. Danh sách đội ngũ thử nghiệm và phân tích đề thi

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	Trình độ/Chuyên ngành	Ghi chú
1.	Phạm Đức Hiếu	Giám đốc Trung tâm KT&ĐBCLGD	Tiến sĩ Thông tin và Đo lường giáo dục	Đào tạo tại Đài Loan (Trung Quốc)
2.	Nguyễn Hữu Hòa	Trưởng phòng Công tác chính trị - Học sinh sinh viên	Thạc sĩ Đo lường và đánh giá trong giáo dục	
3.	Trần Kim Hoàn	Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thạc sĩ về công nghệ thông tin	
4.	Hoàng Thị Cúc	Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thạc sĩ về công nghệ thông tin	
5.	Đinh Anh Dũng	P. Giám đốc Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thạc sĩ Giáo dục học	
6.	Hoàng Thị Thanh Tâm	Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	
7.	Hà Thị Phương Lan	Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	Trình độ/Chuyên ngành	Ghi chú
8.	Nguyễn Thị Hải	Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thạc sĩ Lý luận văn học	
9.	Trần Thảo Oanh	Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	

7.2. Nhân lực tổ chức thi và hỗ trợ

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 hiện có 13 khoa đào tạo các chương trình cử nhân sư phạm bậc Trung học phổ thông. Bên cạnh đó có 22 chương trình đào tạo bậc cao (thạc sĩ, tiến sĩ) với nhiều ngành về phương pháp giảng dạy và chuyên môn. Hằng năm, có hơn 1500 cử nhân và thạc sĩ, tiến sĩ tốt nghiệp tại Trường, bổ sung vào đội ngũ giảng dạy ở các bậc học, trong đó bậc trung học phổ thông là hơn 1200 giáo viên, cán bộ quản lý các khối lớp.

Ngoài ra, Trường cũng xây dựng và bồi dưỡng nhiều chương trình cho đội ngũ giảng viên phổ thông hàng năm theo đơn đặt hàng của hơn 7 Sở giáo dục và đào tạo khu vực phía Bắc.

Trường có nhiều giảng viên là chủ biên, đồng tác giả của các sách giáo khoa, sách tham khảo cho các môn học ở các bậc học của trường phổ thông. Bên cạnh đó, hàng năm trường vẫn cử 1 đội ngũ hỗ trợ Bộ giáo dục và đào tạo trong việc ra đề thi học sinh giỏi, tốt nghiệp trung học phổ thông.

Từ năm 2009, Trường có trung tâm Khảo thí, điều phối và tổ chức các kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ cũng như các kỳ thi khác trong Trường. Đội ngũ giảng viên, chuyên viên của trường là các phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ được đào tạo trong và ngoài nước, có chuyên môn sâu và năng lực nghiên cứu, giảng dạy tốt. Cụ thể có 23 phó giáo sư, 189 tiến sĩ, 260 thạc sĩ. Đây là đội ngũ chuyên giảng dạy và nghiên cứu các môn học, các phương pháp dạy học trong hệ thống giáo dục của Việt Nam, các phương pháp đánh giá môn học, người học. Bên cạnh đó, nhiều giảng viên là thành viên ra đề thi các cấp của Bộ trong nhiều năm, là các chuyên gia trong việc thẩm định tài liệu, đề thi. Không chỉ thế, hàng năm đội ngũ giảng viên, chuyên viên của trường còn được tham gia các khóa tập huấn về kiểm tra đánh giá môn học, chương trình đào tạo, đề thi. Qua đó, giảng viên được cung cấp, cập nhật các kiến thức và phương pháp đánh giá mới để phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy, chuyên viên được tăng thêm nghiệp vụ để cải

tiến công tác khảo thí cho Trường. Bên cạnh đó, Trường có Viện Công nghệ thông tin, Trung tâm Tin học, phòng Quản lý cơ sở vật chất, đội ngũ này đã hỗ trợ về kỹ thuật và các phần mềm trong việc quản lý ngân hàng đề thi và các cuộc thi trên máy tính. Qua đó, công tác tổ chức, quản lý trong các kỳ thi của trường ngày càng được cải tiến và tinh gọn.

Thông tin chi tiết về đội ngũ thể hiện tại Phụ lục 5.

7.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

Nhà trường có tổng diện tích đất đang quản lý và sử dụng là 122.142,0 m² và được chia làm 03 khu khác nhau (khu A: 37.296,4 m², khu B: 33.085,5 m² và khu C: 51.760,1 m²). Cơ sở chính để tổ chức thi đặt khu Giảng đường A, B, C, D, E và Nhà A4, địa chỉ Ngõ 6 đường Nguyễn Văn Linh, số 38A đường Kim Đồng, số 43C đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với tổng diện tích đất là 16.372,6 m² và tổng diện tích sàn xây dựng là 24.613 m². Cơ sở chính có 91 phòng học diện tích từ 55 m² trở lên với sức chứa trung bình 24 thí sinh/phòng (1 thí sinh/1 bàn).

Các phòng thi đều đảm bảo các điều kiện tổ chức thi như sau:

- Đảm bảo được cách ly âm thanh, có đủ ánh sáng, bàn, ghế, phấn, bảng, màn chiếu; một số phòng đã có hệ thống camera giám sát ghi được toàn bộ diễn biến của cả phòng thi liên tục trong suốt thời gian thi; có đồng hồ dùng chung cho tất cả thí sinh theo dõi được thời gian làm bài;

- Có đủ các thiết bị ghi âm, phát âm, ghi hình, phần mềm chuyên dụng và các thiết bị khác đáp ứng yêu cầu tổ chức thi;

- Có thiết bị cầm tay kiểm tra an ninh để kiểm soát, ngăn chặn được việc thí sinh mang tài liệu, đồ dùng trái phép vào phòng thi;

- Có nơi bảo quản đồ đạc của thí sinh;

- 100% phòng học đã được lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ;

- Có phòng làm việc của Hội đồng thi, trực thi, giao nhận đề thi và bài thi, có hòm, tủ, két sắt, có khoá chắc chắn để bảo quản đề thi và bài thi;

- Khu vực thi đảm bảo các yêu cầu an toàn, an ninh, bảo mật và phòng chống cháy nổ.

Nhà trường hiện cũng có 8 phòng máy chuyên dùng với 240 máy tính kết nối mạng LAN và Internet. Trường có phần mềm dùng chung cho việc tổ chức các kì thi, hệ thống máy chủ và mạng ổn định (có 2 nguồn điện lưới và hệ thống máy phát dự

phòng). Ngoài ra, Trường có hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu, đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin kì thi. Có trang thông tin điện tử để thông tin về kì thi tại địa chỉ <https://www.hpu2.edu.vn>.

Về chỗ ở: Nhà trường đáp ứng nhu cầu chỗ lưu trú cho thí sinh dự thi tại Ký túc xá sinh viên thuộc khu Trung Tâm Nội trú với tổng số 393 phòng ở (8 thí sinh/phòng).

- Nhà trường đã trang bị hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm phục vụ công tác tổ chức thi và đã triển khai tại địa chỉ <http://www.thisinh.hpu2.edu.vn>.

Bảng 9. Tổng hợp cơ sở vật chất phục vụ công tác tổ chức thi

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số
I	Diện tích đất đai		
1	Diện tích đất đai cơ sở đào tạo quản lí sử dụng	m ²	122.142,0
2	Diện tích đất cơ sở chính để tổ chức thi	m ²	16.372,6
II	Diện tích xây dựng		
1	Phòng học		
a	Số phòng học	Phòng	91
b	Tổng diện tích sàn xây dựng	m ²	24.613
2	Phòng máy tính chuyên dụng		
a	Số phòng học	Phòng	8
b	Tổng diện tích	m ²	630
3	Ký túc xá		
a	Số phòng ở	Phòng	393
b	Tổng diện tích	m ²	8.605
4	Diện tích nhà ăn, căng tin		
a	Diện tích nhà ăn khu Trung tâm Nội trú	m ²	811
b	Diện tích căng tin khu Giảng đường ABCD	m ²	346
5	Diện tích khác		
a	Diện tích hội trường	m ²	270
b	Diện tích nhà thi đấu đa năng	m ²	1.044
c	Diện tích sân vận động	m ²	4.003

Thông tin chi tiết về cơ sở vật chất phục vụ công tác tổ chức thi thể hiện tại Phụ lục 6.

8. Sử dụng kết quả thi

8.1. Trường ĐHSPT Hà Nội 2

- Thí sinh hoàn thành bài thi theo Quy chế thi hiện hành được Nhà trường công nhận kết quả thi và nhận Giấy chứng nhận điện tử kết quả thi sau 02 tuần (dự kiến) kể từ ngày dự thi.

- Thí sinh có thể tra cứu kết quả điểm bài thi trên cổng thông tin kỳ thi độc lập của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Kết quả thi của thí sinh được sử dụng để xét tuyển vào các ngành đào tạo trình độ đại học đã được ghi trong Đề án tuyển sinh đại học năm 2025 của Trường ĐHSP Hà Nội 2 theo đăng ký xét tuyển của thí sinh.

8.2. Các cơ sở giáo dục khác

Các cơ sở giáo dục đại học, đơn vị sử dụng có thể tra cứu kết quả điểm bài thi trên cổng thông tin kỳ thi độc lập của Trường ĐHSP Hà Nội 2 nếu đồng ý và trong Đề án tuyển sinh công bố sử dụng kết quả thi của kỳ thi độc lập của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

Dựa trên thông tin Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã công bố Đề án Kỳ thi độc lập xét tuyển đại học chính quy năm 2025, các cơ sở giáo dục đại học có thể chủ động liên hệ với Trường ĐHSP Hà Nội 2 về việc sử dụng kết quả thi của thí sinh để xét tuyển, đồng thời Trường ĐHSP Hà Nội 2 cũng chủ động mời các cơ sở giáo dục đại học sử dụng kết quả thi của thí sinh do Trường ĐHSP Hà Nội 2 tổ chức.

8.3. Các cơ sở đào tạo công nhận và sử dụng kết quả Kỳ thi độc lập của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 để xét tuyển đại học chính quy

= Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

- Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

(Danh sách này sẽ được tiếp tục cập nhật)

9. Kinh phí thực hiện Đề án

- Dự toán kinh phí thực hiện Đề án thể hiện tại Phụ lục 7.

10. Tổ chức thực hiện

- Phòng Đào tạo làm đầu mối xây dựng Kế hoạch thi theo Đề án và Tổ chức thi, sử dụng kết quả kỳ thi để xét tuyển theo Đề án tuyển sinh năm 2025 của Trường.

- Trung tâm KT&ĐBCLGD làm đầu mối Tổ chức xây dựng ngân hàng đề thi, làm đề thi và chấm thi, công bố kết quả thi.

- Phòng Quản lý CSVC làm đầu mối phối hợp với phòng KHTC và các đơn vị liên quan chuẩn bị các điều kiện về CSVC, tài chính để tổ chức Kỳ thi.

- Trung tâm Truyền thông và sản xuất học liệu làm đầu mối phối hợp với Trung tâm Tin học và các đơn vị liên quan tổ chức truyền thông về Kỳ thi trên Website Trường và trên các trang mạng xã hội.

11. Đánh giá tác động

- Đề án góp phần tăng cơ hội vào các trường đại học cho thí sinh, tạo điều kiện thuận lợi để các thí sinh chọn đúng ngành học, trường đại học phù hợp nhất với năng lực và sở trường của mình.

- Đề án làm đổi mới phương thức tuyển sinh, mở rộng phương thức xét tuyển của Trường, nhằm giúp Trường ĐHSP Hà Nội 2 và các cơ sở giáo dục đại học khác tuyển sinh chọn được những sinh viên chất lượng tốt nhất đáp ứng yêu cầu và mục tiêu đào tạo của mình.

Việc triển khai đề án tuyển sinh riêng tạo ra nhiều tác động đa chiều đến các bên liên quan. Đối với nhà trường, đề án mang lại lợi thế về tính chủ động trong công tác tuyển sinh, khả năng lựa chọn thí sinh phù hợp với đặc thù đào tạo, đồng thời tăng cường thương hiệu và đa dạng hóa nguồn tuyển sinh. Tuy nhiên, nhà trường cũng phải đối mặt với những thách thức về chi phí tổ chức, đầu tư nguồn lực và áp lực đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong quá trình thực hiện.

Xét về phía thí sinh, đề án tạo thêm nhiều cơ hội trúng tuyển và lựa chọn phương thức phù hợp với năng lực cá nhân, giảm áp lực thi cử tập trung. Mặc dù vậy, thí sinh có thể gặp khó khăn về chi phí dự tuyển, việc chuẩn bị hồ sơ đa dạng và theo dõi thông tin tuyển sinh từ nhiều nguồn khác nhau.

Đối với hệ thống giáo dục, đề án góp phần thúc đẩy tính tự chủ đại học, đa dạng hóa phương thức tuyển sinh và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh. Song song đó, việc quản lý thống nhất trở nên phức tạp hơn, có thể dẫn đến sự chênh lệch giữa các trường và khó khăn trong việc đảm bảo công bằng xã hội.

Về mặt xã hội, đề án đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người học, tăng cơ hội tiếp cận giáo dục đại học và phát hiện nhiều tài năng. Tuy nhiên, điều này cũng có thể tạo ra những bất bình đẳng về cơ hội và gây áp lực tài chính cho một số gia đình. Cuối cùng, về chất lượng đào tạo, đề án giúp các trường tuyển được sinh viên phù hợp với ngành học, nâng cao chất lượng đầu vào và hiệu quả đào tạo. Tuy nhiên, các thách thức đặt ra bao gồm việc duy trì sự đồng đều về chất lượng đầu vào, đảm bảo tính đồng bộ trong quá trình đào tạo và duy trì chuẩn đầu ra một cách hiệu quả.

12. Kết luận

- Trong bối cảnh Bộ GD&ĐT đã công bố chính thức chương trình giáo dục phổ thông mới - một chương trình mở, tạo điều kiện cho học sinh lựa chọn được các môn

học phù hợp với năng lực, nguyện vọng, sở trường của mình, Đề án Kỳ thi độc lập xét tuyển đại học chính quy năm 2025 của Trường ĐHSP Hà Nội 2 phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông mới, đánh giá các năng lực cốt lõi, phẩm chất của học sinh, không gây xáo trộn, không bị ảnh hưởng việc dạy học, kiểm tra, đánh giá của giáo viên THPT, học sinh, đáp ứng yêu cầu chất lượng đầu vào xét tuyển đại học của các trường đại học, học viện trong cả nước.

- Với phương thức tuyển sinh mở, cụ thể và mềm dẻo, Đề án giúp Trường ĐHSP Hà Nội 2 tuyển chọn được các thí sinh có năng lực, phẩm chất phù hợp với yêu cầu của các ngành đào tạo, đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của học sinh và nhu cầu thực tiễn của xã hội. Qua đó, nâng cao chất lượng đầu vào và góp phần nâng cao uy tín và vị thế của Trường.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM
HÀ NỘI 2
Trịnh Đình Vinh